

Bản án số: **99/2025/DS-PT**

Ngày: 14-3-2025

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố bản
thỏa thuận phân chia di sản thừa kế
vô hiệu*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Ông **Nguyễn Tấn Long**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà:
Bà **Nguyễn Thị Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 289/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vô hiệu*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là **thành phố H**) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Phước Đ**, địa chỉ: **Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông**; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn H**; Địa chỉ: **E N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum** (Văn bản ủy quyền ngày 04/11/2022); có mặt.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, địa chỉ: **3 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H; Địa chỉ: B T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Lâm P – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H (Văn bản ủy quyền số 8815/UBND-KNTC ngày 14/11/2022); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Phòng Tư pháp thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; Địa chỉ: B T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Hữu Minh T – Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế (Văn bản ủy quyền số 1198/PTP-TH ngày 14/11/2022); vắng mặt.

3. Bà Hoàng Thị Y; địa chỉ: 3 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn P1; địa chỉ: C H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Ngọc T1; địa chỉ: 3 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn N; Địa chỉ: H L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình;

6. Chị Lê Thị Diệu T2; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông;

7. Anh Lê Phước L; Địa chỉ: 1 đường A P, quận I, thành phố Hồ Chí Minh;

8. Anh Lê Phước Duy T3; Địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, anh L, anh T3, chị T2: Ông Đinh Văn H; Địa chỉ: E N, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; Có mặt.

9. Anh Nguyễn Sơn H1; địa chỉ: C H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Khoa N1; địa chỉ: C H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

12. Ngân hàng TMCP C1; Địa chỉ: A T, quận H, Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP C1;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Tâm T4 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh N2; vắng mặt.

Người được uỷ quyền lại:

+ Ông **Nguyễn Văn H2** – Phó Giám đốc **Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh N2**; vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Văn L1** – Phó phòng Tài chính tổng hợp **Ngân hàng TMCP C1 – Chi nhánh N2**; có mặt.

Cùng địa chỉ: số 45 Thuận Hoá, phường Phú Bài, thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế

13. Công ty TNHH T10; Địa chỉ: **Cụm C, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế**;

Đại diện theo pháp luật: Bà **Hoàng Thị Y** – Giám đốc công ty; địa chỉ: **3 H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

14. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế (Nay là **quận T**); Địa chỉ: **A X, phường V, quận T, Thành phố H**;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trần Trọng D** – Chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn T5** – Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế (Văn bản uỷ quyền số 1276/UQ-CCTHADS ngày 29/7/2024); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông **Lê Phước Đ** trình bày:*

Vợ ông **Đ** là bà **Nguyễn Thị G** (chết năm 2018), cha mẹ bà **G** là ông **Nguyễn Văn K**, chết năm 1998 và bà **Châu Thị T6**, chết năm 2008. Khi còn sống ông **K** và bà **T6** có tạo lập được một căn nhà và đất ở tại **tổ E, phường A, thành phố H**, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, ông **K** và bà **T6** chết đều không để lại di chúc, căn nhà trên do ông **Nguyễn Văn C** quản lý. Di sản của ông **K** và bà **T6** để lại đến nay chưa có thỏa thuận phân chia thừa kế giữa các anh chị em trong gia đình.

Ông **Đ** và bà **G** có 05 người con là: Ông **Nguyễn Văn C**, ông **Nguyễn Văn P1**, ông **Nguyễn Văn N**, bà **Nguyễn Thị G** (chết năm 2018), bà **Nguyễn Thị V** (chết năm 2011). Vợ ông **Đ** là bà **G** lấy chồng và đi kinh tế mới ở tại **Đ** từ năm 1981, trước khi chết bà **G** vẫn nói rằng nhà, đất trên là di sản ông bà để lại để làm từ đường thờ cúng, chưa phân chia di sản thừa kế. Không biết bằng cách nào mà ngày 13/8/2004, ông **Nguyễn Văn C** lập Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng Tư pháp

thành phố Huế chứng thực để hưởng toàn bộ di sản của ông K và bà T6, trong khi đó bà Châu Thị T6 vẫn còn sống nhưng bà T6 không hề biết nội dung này.

Ngày 20/4/2005, ông Nguyễn Văn C bà Hoàng Thị Y được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 đối với thửa đất 92-1 tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H. Toàn bộ việc này vợ ông D không hề hay biết. Vào tháng 3/2022, khi ông D về thăm quê mới được biết sự việc này.

Việc làm của ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y đã xâm phạm đến quyền lợi của bà G mà ông D và các con ông D là người được thừa kế của bà G.

Do đó ông Lê Phước Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

+ Tuyên bố Bản phân thỏa thuận chia di sản thừa kế được Phòng Tư pháp thành phố Huế chứng thực ngày 13/8/2004 là vô hiệu;

+ Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 27/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông là con đẻ của ông Nguyễn Văn K (chết năm 1998) và bà Châu Thị T6 (chết năm 2008). Cha mẹ ông có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn C; bà Nguyễn Thị G (chết năm 2018) có chồng là ông Lê Phước Đ (là nguyên đơn), có 03 người con là: Lê Nguyễn Diệu T7, Lê Phước L, Lê Phước Duy T3; bà Nguyễn Thị V (chết năm 2011) có chồng là ông Nguyễn Văn H3 (chết năm 2014), có 02 người con là: Nguyễn Sơn H1 và Nguyễn Khoa N1; ông Nguyễn Văn P1; ông Nguyễn Văn N.

Căn nhà và đất ở với diện tích 266m² tại tổ E, phường A, thành phố H (nay là số C H, thành phố H) là tài sản mà ông bà để lại cho cha mẹ ông quản lý, sử dụng trước năm 1975. Do chiến tranh nên toàn bộ giấy tờ đã bị mất. Năm 1994 ông lập gia đình và sống cùng bố mẹ tại căn nhà này. Năm 1998, bố ông C qua đời không để lại di chúc. Năm 2004, lúc này mẹ ông vẫn còn sống, ông đã nghĩ rằng giấy tờ nhà đất đã mất cần làm lại, hơn nữa, ông là con trai trưởng trong nhà nên có trách nhiệm ở và chăm sóc cha mẹ, thờ cúng tổ tiên nên ông đã nhờ dịch vụ đất đai làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất nói trên. Toàn bộ thủ tục được làm như thế nào thì ông không rõ, thời gian đã lâu nên ông không còn nhớ. Sau khi mẹ ông qua đời năm 2008 cũng không để lại di chúc. Khi còn sống mẹ ông không biết việc lập Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế năm 2004 cũng như Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND thành

phố H cấp năm 2005 cho vợ chồng ông đối với thửa đất nói trên. Vợ ông là bà **Hoàng Thị Y** cũng không biết gì về Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với di sản của cha mẹ ông tại căn nhà và đất nêu trên. Việc vợ ông có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do người làm dịch vụ giấy tờ nói ông đưa tên vợ ông vào chứ vợ ông không biết và không có yêu cầu.

Nhà và đất nói trên không phải là tài sản riêng do vợ chồng ông **C** bà **Y** tạo lập. Quá trình sinh sống tại căn nhà này vợ chồng ông chưa cải tạo nâng cấp mới mà vẫn giữ nguyên hiện trạng về kiến trúc như khi cha mẹ ông chết để lại. Thỉnh thoảng vợ chồng ông có sơn lại nhà bằng tiền đóng góp của các anh chị em trong gia đình. Hiện nay, ông **Lê Phước Đ** khởi kiện thì ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **UBND thành phố H** có ý kiến tại công văn số 8829/UBND-KNTC ngày 14/11/2022 như sau: Qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận của ông, bà **Nguyễn Văn C**, **Hoàng Thị Y** do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai cung cấp tại công văn số 7608/CNVPĐKĐĐ ngày 26/10/2022 thể hiện:

Ngày 10/12/2002, ông, bà **Nguyễn Văn C** – **Hoàng Thị Y** có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại **tổ E, phường A, thành phố H**. Kèm theo đơn xin cấp giấy chứng nhận của **Nguyễn Văn C**, **Hoàng Thị Y** có tờ khai của những người làm chứng ngày 10/12/2002 gồm: bà **Hoàng Thị Đ1**, ông **Ngô Văn T8**, ông **Châu Viết T9**, được **UBND phường A** chứng nhận ngày 02/01/2003.

Theo tờ khai nguồn gốc nhà đất của ông, bà **Nguyễn Văn C** – **Hoàng Thị Y** ngày 10/12/2002 với nội dung: “Nguồn gốc thửa đất do cha mẹ cho năm 1978, tôi tự xây dựng nhà năm 1979, từ đó đến nay ở ổn định, không ai tranh chấp, khiếu nại” đã được **UBND phường A** xác nhận ngày 02/01/2003.

Ngày 16/12/2002, **UBND phường A** có thông báo công khai hồ sơ cấp giấy chứng nhận tại thửa đất nêu trên từ ngày 16/12/2002 đến hết ngày 02/01/2003.

Theo đó, ngày 02/01/2003, **UBND phường A** đã lập biên bản kết thúc thời gian để công khai hồ sơ và không nhận được đơn khiếu nại, kiến nghị.

Ngày 15/11/2004, **UBND thành phố H** đã ban hành Quyết định số 3180/QĐ-UB cho phép 97 hộ gia đình, cá nhân được hợp thức hóa quyền sử dụng đất theo công văn số 2058/NĐ-UB ngày 26/08/2004 của UBND tỉnh. Trong đó có trường hợp ông, bà **Nguyễn Văn C** – **Hoàng Thị Y** tại thửa đất nêu trên.

Ngày 20/04/2005, **phòng Đ2** đã lập phiếu thẩm định hồ sơ với nội dung: “Nguồn gốc đất: Nhận thừa kế của ông, bà **Nguyễn Văn K, Châu Thị T6** theo bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được phòng Tư pháp thành phố chứng thực ngày 13/08/2004 đã được Hội đồng thành phố xét duyệt với đề xuất: diện tích đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 266m². Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 200m² + đất vườn 66m², thời hạn lâu dài”.

Ngày 20/4/2005, **Phòng Đ2** có tờ trình số 1599/TT-ĐT về việc cấp giấy chứng nhận trình **UBND thành phố H** và **UBND thành phố H** đã cấp giấy chứng nhận cho ông, bà **Nguyễn Văn C, Hoàng Thị Y** tại thửa đất nêu trên là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

- Phòng Tư pháp thành phố Huế có ý kiến tại công văn số 1000/Phó trưởng phòng-CT ngày 21/10/2022 như sau:

Ngày 07/07/2004, Phòng Tư pháp thành phố Huế có nhận được hồ sơ yêu cầu chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nhà và đất tại **tổ E, phường A, thành phố H** (thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05) theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn C**, thường trú tại **số D đường M, thành phố H**. Trên cơ sở hồ sơ do ông **C** cung cấp và theo yêu cầu của ông **Nguyễn Văn N** (người được hưởng di sản của ông **Nguyễn Văn K** và bà **Châu Thị T6**), căn cứ Điều 54 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP của Chính phủ về công chứng, chứng thực, Phòng Tư pháp nhận thấy việc nhường quyền hưởng di sản thừa kế là hoàn toàn tự nguyện, do vậy Phó trưởng phòng Tư pháp đã ký chứng thực văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế (thừa ủy quyền của Chủ tịch **UBND thành phố H**), số chứng thực 385, quyển số 01TP/CC-SCT/DCTC ngày 24/6/2004.

Căn cứ điểm đ Điều 22 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực, **UBND thành phố H** (thông qua Phòng Tư pháp) ban hành Thông báo số 176/TB-UB ngày 07/7/2004 về việc thuận phân chia di sản thừa kế và được niêm yết công khai tại **UBND phường A** trong thời gian 30 ngày (từ ngày 08/7/2004 đến ngày 08/8/2004), đồng thời gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Huế để biết. Đến ngày 08/8/2004, Phòng Tư pháp thành phố Huế nhận được công văn của **UBND phường A** trả lời không nhận được đơn khiếu nại, tố cáo về việc không bỏ sót người được hưởng di sản thừa kế, bỏ sót tài sản được thuận phân chia không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của người để lại di sản, tài sản đang tranh chấp và các nghĩa vụ. Do đó, căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 7, Điều 22, Điều 52 của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 và Thông tư số 03/2001/TT-CC ngày 14/3/2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực, Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố Huế đã

ký chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là nhà ở nằm trên thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại **tổ E, phường A, thành phố H** (số chứng thực 175, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD ngày 13/8/2004), với nội dung các ông, bà **Nguyễn Thị V, Nguyễn Văn P1** tự nguyện thỏa thuận thống nhất nhường quyền hưởng di sản thừa kế cho ông **Nguyễn Văn C**.

Như vậy, việc chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thực hiện theo đúng trình tự và thủ tục được quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP và Thông tư số 03/2001/TP-CC.

- Bà **Hoàng Thị Y** trình bày:

Căn nhà và đất ở với diện tích 266m² tại **tổ E, phường A, thành phố H** (nay là **số C H, thành phố H**) là tài sản ông bà để lại cho cha mẹ chồng bà **Y** quản lý, sử dụng trước năm 1975. Khi cha mẹ chồng bà **Y** chết không để lại di chúc. Trong quá trình sinh sống tại căn nhà này vợ chồng bà **Y** chưa cải tạo nâng cấp mới mà vẫn giữ nguyên hiện trạng về kiến trúc như trước đây. Thỉnh thoảng vợ chồng bà có sơn lại nhà bằng tiền đóng góp bằng tiền của các anh chị em trong gia đình. Bà không có tranh giành gì về di sản của cha mẹ chồng để lại. Bà không biết gì về Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với di sản của cha mẹ chồng bà tại căn nhà và đất nói trên.

Việc bà có tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà hoàn toàn không biết do khi làm thủ tục theo hướng dẫn của người làm dịch vụ thì chồng bà đưa tên bà vào. Nay ông **Lê Phước Đ** khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được Phòng Tư pháp thành phố Huế chứng thực ngày 13/8/2004 là vô hiệu và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005 thì bà đồng ý.

- Ông **Nguyễn Văn P1** và ông **Nguyễn Văn N** thống nhất trình bày:

Về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản như trình bày của nguyên đơn là đúng.

Sau khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, ông mới biết anh của ông là **Nguyễn Văn C** được Phòng Tư pháp thành phố Huế lập Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không đúng pháp luật trong khi mẹ ông là bà **Châu Thị T6** vẫn còn sống để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại **tổ E, phường A, thành phố H**.

Việc làm của ông **Nguyễn Văn C** đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông. Vì vậy, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Phước Đ**.

Ngày 28/7/2023, ông **N** có đơn đề nghị Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của ông đối với Văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế ngày 24/6/2004. Tuy nhiên,

do ông không cung cấp được các tài liệu cần thiết cho việc giám định chữ ký nên **Phòng K1 - Công an tỉnh T** đã chuyển trả hồ sơ giám định.

- **Chị Lê Nguyễn Diệu T7** trình bày:

Mẹ chị **T7** là bà **Nguyễn Thị G** (chết năm 2018) là con đẻ của ông **Nguyễn Văn K** (chết năm 1998) và bà **Châu Thị T6** (chết năm 2008).

Sinh thời ông bà ngoại chị **T7** có tạo lập được một căn nhà và đất tại **tổ E, phường A, thành phố H (nay là số C H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế)**. Khi ông bà ngoại chị **T7** qua đời đều không để lại di chúc. Di sản của ông bà ngoại chị **T7** để lại đến nay chưa có thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. Chị **T7** chỉ biết rằng lúc còn sống mẹ chị **T7** có nói di sản ông bà ngoại chị **T7** chết để lại làm nhà từ đường thờ cúng tổ tiên theo ý nguyện của ông bà ngoại. Căn nhà đó đến nay vẫn giữ nguyên hiện trạng.

Không biết bằng cách nào mà ngày 13/8/2004, cậu chị **T7** là ông **Nguyễn Văn C** có bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được phòng Tư pháp thành phố Huế chứng thực để hưởng toàn bộ di sản thừa kế của ông bà ngoại chị **T7** chết để lại, trong khi đó bà ngoại chị **T7** vẫn còn sống để sau đó **UBND thành phố H** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hoàng Thị Y** thì chị không biết. Khi còn sống, mẹ chị **T7** bà **Nguyễn Thị G** không biết việc này.

Việc làm của ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hoàng Thị Y** đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của mẹ chị **T7** là bà **Nguyễn Thị G** mà chị **T7** là một trong những người được kế thừa của bà **G**. Vì vậy, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Phước Đ**.

- **Anh Lê Phước L và Lê Phước Duy T3**: Đồng ý như ý kiến của chị **Lê Nguyễn Diệu T7** trình bày.

- **Anh Nguyễn Sơn H1, anh Nguyễn Khoa N1** thống nhất trình bày: Mẹ anh **H1** và anh **N1** là bà **Nguyễn Thị V** (chết năm 2011), là con của cụ **Nguyễn Văn K** (chết năm 1998) và cụ **Châu Thị T6** (chết năm 2008).

Căn nhà và đất tại **tổ E, phường A, thành phố H (nay là số C H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế)** là di sản của ông bà ngoại anh **H1** để lại. Khi bà **V** còn sống có nói đó là từ đường nhà họ ngoại, không phân chia cho ai, đó cũng là nguyện vọng ông bà ngoại lúc còn sống. Hiện nay nhà đất này do cậu của họ là ông **Nguyễn Văn C** ở và lo thờ cúng. Di sản này chưa có sự phân chia giữa bà **V** và các thành viên trong gia đình.

Việc ông **Nguyễn Văn C** được Phòng Tư pháp thành phố Huế lập Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế không đúng pháp luật để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã ảnh hưởng đến quyền lợi của bà **V** mà anh **H1**, anh **N1** là một trong những

người được thừa kế của bà V. Vì vậy họ đồng ý với đơn khởi kiện của ông Lê Phước Đ.

- Tại công văn số 158/VB-CNNTTH ngày 07/4/2023, Ngân hàng TMCP C1 – CN Nam Thừa Thiên Huế có ý kiến:

Theo Văn bản 8829/UBND-KNTC ngày 14/11/2022 của UBND thành phố H “về việc phúc đáp của TAND tỉnh Thừa Thiên Huế liên quan đến Thông báo số 334/2022/TB-TLVA ngày 10/10/2022” có nội dung khẳng định UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB695146 ngày 20/4/2005 cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Trong vụ việc này, ông Nguyễn Văn C và bà Hoàng Thị Y được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận thừa đất số 92-1 trên cơ sở đúng trình tự, thủ tục nêu trên. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận, vợ chồng ông C bà Y đã thế chấp hợp pháp tại ngân hàng V1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 138 Bộ luật Dân sự 2005 (hiện nay là khoản 2 Điều 133 Bộ luật Dân sự 2015) và Mục 1 phần II công văn 64/TAND-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân Tối cao thì giả định Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/8/2004 bị tuyên vô hiệu thì giao dịch thế chấp giữa ngân hàng V1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y vẫn có hiệu lực pháp luật do Ngân hàng V1 là bên thứ ba ngay tình. Quan hệ thế chấp thừa đất 92-1 giữa Ngân hàng V1 và vợ chồng ông C bà Y đã được TAND thị xã Hương Trà và TAND tỉnh Thừa Thiên Huế giải quyết bằng các bản án đã có hiệu lực pháp luật nên phải được tôn trọng và tiếp tục thi hành án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng V1.

Về thời hiệu khởi kiện, yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế ngày 13/8/2004 vô hiệu đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 132 Bộ luật dân sự 2015. Do đó, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với vụ án này, cụ thể, đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu trên theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Do đó, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Tại công văn số 1328/CCTHADS ngày 05/8/2024, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế có ý kiến:

Theo khoản 2 Điều 133 BLDS 2015 quy định: Trường hợp giao dịch dân sự vô hiệu nhưng tài sản đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sau đó được chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác cho người thứ ba ngay tình và người này

căn cứ vào việc đăng ký đó mà xác lập, thực hiện giao dịch thì giao dịch đó không bị vô hiệu.

Đồng thời, theo quy định tại Điều 317 của Bộ luật Dân sự thì thế chấp tài sản là một biện pháp bảo đảm, là việc người thế chấp dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp mà không giao tài sản đó cho bên nhận thế chấp. Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 320 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của bên thế chấp tài sản là: “Giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản đảm bảo quy định tại Điều 299 của Bộ luật này...”; khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự quy định quyền của bên nhận thế chấp: “Xử lý tài sản thế chấp khi thuộc trường hợp quy định tại Điều 299 của Bộ luật này”. Như vậy, mục đích của thế chấp là người có nghĩa vụ dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với bên nhận thế chấp, trong trường hợp nghĩa vụ đó không được bên thế chấp thực hiện hoặc thực hiện không đúng thì phải giao tài sản đã thế chấp cho bên nhận thế chấp xử lý nhằm đảm bảo quyền lợi của bên nhận thế chấp. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xem thế chấp tài sản là một giao dịch chuyển giao tài sản có điều kiện; để bảo đảm quyền lợi cho bên nhận thế chấp (ngân hàng) ngay tình thì việc thế chấp được xem là “chuyển giao bằng một giao dịch dân sự khác” theo quy định tại khoản 2 Điều 133 của Bộ luật Dân sự được áp dụng cả trong trường hợp giao dịch về thế chấp tài sản.

Cho nên, trường hợp này ông **Nguyễn Văn C** bà **Hoàng Thị Y** đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất và đã thế chấp nhà, quyền sử dụng đất đó cho Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật thì giao dịch thế chấp đó không vô hiệu. Quá trình xét xử đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh định giá tài sản để có cơ sở xác định kỷ phần của mỗi suất thừa kế, nhưng không chia cho các thừa kế bằng hiện vật mà chia bằng giá trị là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đồng thời đảm bảo việc tổ chức thi hành án được thực hiện đầy đủ đảm bảo quyền lợi cho bên nhận thế chấp theo quy định. Do đó đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005 của **UBND thành phố H** đã cấp thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lại tại **tổ E, phường A, thành phố H** đã cấp cho ông **Nguyễn Văn C**, bà **Hoàng Thị Y**, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xử lý theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bên nhận thế chấp và việc tổ chức thi hành án không bị ảnh hưởng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành

chính; Điều 122, Điều 123, Điều 133 Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Q; Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Lê Phước Đ.

Tuyên bố Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế toàn bộ nhà và đất ở cho ông Nguyễn Văn C tại thửa đất 92-1 tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, được Phòng Tư pháp thành phố Huế chứng thực ngày 13/8/2004 là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước Đ đối với yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Văn C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y.

Ngày 18/9/2024 và ngày 26/9/2024, Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Phước Đ, Nguyễn Văn N, anh Lê Phước L, anh Lê Phước T3, chị Lê Nguyễn Diệu T7 là ông Đinh Văn H; ông Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Sơn H1, anh Nguyễn Khoa N1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy một phần bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phước Đ, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005 của UBND thành phố đã cấp tại thửa đất số 92-1 tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², địa chỉ: Tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn N, hủy Văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế lập tại trung tâm Giao dịch thủ tục cải cách hành chính của UBND thành phố H ngày 24/6/2004.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh

Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo đồng ý với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm bảo đảm đúng quy định pháp luật, về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần nguyên đơn đã rút yêu cầu, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với các nội dung còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của những người kháng cáo trong thời hạn, đúng quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lại tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y, phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với nội dung này theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị xem xét yêu cầu hủy đối với Văn bản nhường quyền hưởng di sản thừa kế ngày 24/6/2004 của ông Nguyễn Văn N vì cho rằng làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người được hưởng thừa kế. Xét thấy trong phạm vi giải quyết của vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với việc phân chia di sản thừa kế, nên ông N và những người có liên quan khi có yêu cầu thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết đối với văn bản trên trong quá trình giải quyết việc thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do yêu cầu kháng cáo của của ông Lê Phước Đ, ông Nguyễn Văn N, anh Lê Phước L, anh Lê Phước T3, chị Lê Nguyễn Diệu T7, ông Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Sơn H1, anh Nguyễn Khoa N1 không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn C do nguyên đơn đã rút nên không

xem xét do vậy ông C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Lê Phước Đ là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04/9/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là thành phố H).

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước Đ.

- Tuyên bố Bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế toàn bộ nhà và đất ở cho ông Nguyễn Văn C tại thửa đất 92-1 tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, được Phòng Tư pháp thành phố Huế chứng thực ngày 13/8/2004 là vô hiệu.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Phước Đ về việc yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 695146 ngày 20/4/2005, thửa đất số 92-1, tờ bản đồ số 05, diện tích 266m², tọa lạc tại tổ E, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế do UBND thành phố H cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Hoàng Thị Y.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Văn N, anh Lê Phước L, anh Lê Phước T3, chị Lê Nguyễn Diệu T7, ông Nguyễn Văn P1, anh Nguyễn Sơn H1, anh Nguyễn Khoa N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000.000 đồng đã nộp theo các biên lai thu số 0000298, 0000300, 0000299, 0000305, 0000301, 0000302, 0000303 cùng ngày 07/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Lê Phước Đ được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả lại cho ông Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000297 ngày 07/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông C 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000304 ngày 07/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hợp